

CHỦ ĐỀ 26: NHỮNG NGƯỜI BẠN IM LẶNG

BÀI 1: CÔ CHỖI RƠM (tiết 1 – 4, SHS, tr. 71 – 73)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Từ tên chủ đề, trao đổi với bạn về những đồ vật trong nhà.
2. Thực hành quan sát tranh theo trật tự nhất định.
3. Từ việc quan sát tranh minh hoạ phân khởi động và tên bài đọc, trao đổi với bạn những hiểu biết của mình về nhân vật chính trong bài đọc.
4. Đọc trơn bài đọc, bước đầu ngắt nghỉ đúng chỗ có dấu câu.
5. Luyện tập khả năng nhận diện vần thông qua hoạt động tìm tiếng trong bài và từ ngữ ngoài bài chứa tiếng có vần cần luyện tập và đặt câu.
6. Chỉ ra được những từ ngữ chỉ màu sắc của chổi rơm và tình yêu của mọi người trong nhà đối với chổi rơm. Từ đó, liên hệ đến những đồ vật trong nhà của mình, bồi dưỡng phẩm chất nhân ái: biết yêu quý gia đình và các đồ vật trong nhà.
7. Tô đúng kiểu chữ hoa chữ *I* và viết câu ứng dụng. Thực hành kĩ năng nhìn – viết đoạn văn.
8. Phân biệt đúng chính tả *uôi/ ui* và *dấu hỏi/ dấu ngã*.
9. Luyện nói sáng tạo: tập nói lời cảm ơn và xin lỗi với đối tượng không bằng vai. Luyện viết sáng tạo từ nội dung vừa nói. Phát triển ý tưởng thông qua việc trao đổi với bạn.
10. Phát triển năng lực hợp tác qua hoạt động nhóm; phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo qua hoạt động thực hành.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SHS, VTV, VBT, SGV.
- Một số tranh ảnh, mô hình hoặc vật thật dùng minh hoạ tiếng có vần *ôi, om, ôm* kèm theo thẻ từ (nếu có), tranh minh hoạ cây chổi rơm và một số loại chổi khác hoặc vật thật.
- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, video (nếu có).
- Bảng phụ ghi nội dung cần chú ý luyện đọc (lời cảm ơn, lời xin lỗi...).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ôn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS thực hiện một trò chơi hoặc một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Những người bạn im lặng* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể tổ chức hoặc không), VD: thi tiếp sức tìm tên các đồ vật có trong nhà của em.
- HS thực hiện một vài nhiệm vụ nhằm ôn lại nội dung của tuần học trước.

2. Khởi động

– HS nghe GV giới thiệu tên chủ đề *Những người bạn im lặng*. HS phỏng đoán nội dung tuần học sẽ nói về ai/ điều gì (GV đưa câu hỏi gợi ý, dẫn dắt giúp HS hiểu những người bạn im lặng là những đồ vật, vật dụng có trong cuộc sống của HS, VD: “Theo em, ai là người bạn im lặng?”...).

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, quan sát tranh minh hoạ ở phần khởi động của bài đọc và nêu tên đồ vật có trong bức tranh. (Gợi ý: GV hướng dẫn HS quan sát theo chiều từ trái qua phải hoặc ngược lại, hoặc từ gần đến xa để tập cho HS cách quan sát). HS kể tên ba, bốn đồ vật có trong nhà của mình.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới.

3. Luyện đọc văn bản

– HS đọc tên bài đọc và nghe GV giới thiệu về cây chổi rom bằng hình ảnh minh hoạ hoặc vật thật và nêu một vài nhận xét về hình dáng, màu sắc của cây chổi rom, VD: “Cây chổi rom có màu gì?”, “Chổi rom dùng để làm gì?”, “Chổi rom có cứng như chổi quét sân không?” (Nếu HS biết về chổi sể, chổi dừa, GV có thể thay từ “chổi quét sân” bằng “chổi sể/ chổi dừa”).

– HS nghe GV đọc mẫu.

– HS nghe GV hướng dẫn đọc một số từ khó đọc như: *chổi rom, xinh xắn, vàng óng,...*

– HS đọc thành tiếng bài đọc.

– HS giải thích nghĩa của từ khó hiểu: *xinh xắn, ảm,...*

TIẾT 2

– HS đọc thầm lại bài đọc, tìm tiếng trong bài có chứa vần *ôi, om*. HS đọc to từ/ tiếng chứa vần *ôi, om*.

– HS tìm từ ngữ ngoài bài chứa tiếng có vần *ôi, om, ôm* và đặt câu.

– HS thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS. Trường hợp HS chưa hiểu rõ câu hỏi, GV có thể đặt thêm một vài câu hỏi nhỏ hơn. VD: “Đọc đoạn 1, tìm từ chỉ màu áo và váy của cô chổi rom.”, “Đọc đoạn 3, tìm xem chị Thuỳ Linh treo chổi rom ở đâu.”,... Với HS giỏi, GV có thể hỏi thêm một số câu hỏi. VD: “*Được việc* nghĩa là gì?”, “Đọc đoạn 2, tìm sau từ *được việc* để trả lời lí do vì sao cô bé chổi rom rất *được việc*.”, “Vì sao cần treo chổi rom lên sau khi quét nhà?”,...

TIẾT 3

4. Luyện tập viết hoa, chính tả

4.1. Tô chữ viết hoa chữ I và viết câu ứng dụng

a. Tô chữ viết hoa chữ I

– HS quan sát cách GV tô và phân tích cấu tạo nét chữ của con chữ *I* (Gợi ý: Xem phần Hướng dẫn dạy tập viết).

- HS dùng ngón tay viết con chữ *I* hoa lên không khí hoặc mặt bàn.
- HS tô chữ *I* hoa vào VTV. Chú ý các điểm đặt bút và kết thúc.

b. Viết câu ứng dụng

- HS đọc câu ứng dụng. (GV nói qua về nghĩa của câu ứng dụng.)
- HS quan sát GV viết chữ *Ít*.
- HS quan sát cách GV viết phần còn lại.
- HS viết câu ứng dụng vào VTV.
- HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn (theo hướng dẫn của GV).

4.2. Chính tả nhìn – viết

- HS đọc lại đoạn văn được yêu cầu viết chính tả.
- HS đánh vần một số tiếng/ từ khó đọc, dễ viết sai, VD: *rom*, *vàng tươi*, ... HS giải thích nghĩa của các từ trên bằng cách đặt câu.
- HS nhìn và viết đoạn văn vào VTV.
- HS tự đánh giá bài viết của mình và của bạn (theo sự hướng dẫn của GV).

4.3. Bài tập chính tả lựa chọn

- HS đọc yêu cầu của bài tập. Tuỳ đặc điểm phương ngữ của HS trong lớp hoặc nhóm, GV giao bài tập tương ứng.
- HS quan sát tranh gợi ý đính kèm từng bài tập.
- HS thực hiện bài tập.
- HS đặt câu (nói miệng, không yêu cầu viết) với những từ vừa điền đúng.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.

TIẾT 4

5. Luyện tập nói, viết sáng tạo

5.1. Nói sáng tạo: Luyện tập nói lời cảm ơn và xin lỗi với đối tượng không bằng vai

- HS quan sát tranh và trao đổi trong nhóm nhỏ yêu cầu của hoạt động.
- HS thực hiện theo cặp/ nhóm nhỏ hoạt động nói theo yêu cầu.

5.2. Viết sáng tạo

- HS thực hiện yêu cầu viết sáng tạo vào vở.
- HS tự đánh giá, nhận xét về phần trình bày của mình theo hướng dẫn của GV.

6. Hoạt động mở rộng

HS đọc câu đố, quan sát tranh minh hoạ và giải câu đố. GV có thể hướng dẫn HS đọc những từ khoá để giúp HS đoán đáp án.

7. Cùng cố, dặn dò

- HS nhắc lại nội dung vừa được học (tên bài, các nhân vật trong bài, chi tiết em thích,...).
- HS nghe GV hướng dẫn chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *Ngưỡng cửa*, tranh ảnh về ngôi nhà của mình).

BÀI 2: NGƯỠNG CỬA (tiết 5 – 6, SHS, tr. 74 – 75)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Từ những kinh nghiệm xã hội của bản thân, thảo luận về nơi yêu thích nhất trong ngôi nhà của mình.
2. Đọc trơn bài thơ, bước đầu biết cách ngắt nhịp, ngắt nghỉ đúng chỗ xuống dòng khi đọc một bài thơ.
3. Luyện tập khả năng nhận diện vần thông qua hoạt động tìm tiếng trong bài và từ ngữ ngoài bài chứa tiếng có vần cần luyện tập và đặt câu.
4. Chỉ ra được ngôi nhà là nơi gắn bó với mình. Từ đó, bồi dưỡng tình yêu với ngôi nhà của mình.
5. Học thuộc lòng hai khổ thơ.
6. Hỏi – đáp về việc giữ gìn nhà cửa sạch sẽ, gọn gàng, từ đó bồi dưỡng ý thức có trách nhiệm trong việc chăm sóc nhà cửa của mình.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SHS, SGK.
- Một số hình minh họa tiếng có vần *an, ang* kèm theo thẻ từ (nếu có). Tranh ảnh về ngôi nhà của mỗi HS.
- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, video (nếu có).
- Bảng phụ ghi cách ngắt nhịp, ngưng nghỉ khi đọc bài thơ *Ngưỡng cửa*.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ổn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS thực hiện một trò chơi hoặc một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Những người bạn im lặng* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể tổ chức hoặc không).
- HS thực hiện một vài hoạt động nhằm ôn lại bài học trước.

2. Khởi động

- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, có thể sử dụng tranh, ảnh về ngôi nhà của mình và trả lời câu hỏi phân khởi động trong SHS.
- HS nghe GV giới thiệu bài mới.

3. Luyện đọc văn bản

– HS đọc tên bài thơ và quan sát tranh minh hoạ bài thơ để hiểu nghĩa từ *ngưỡng cửa*. HS liên hệ ngưỡng cửa nhà mình.

– HS nghe GV đọc mẫu (**Lưu ý:** GV nhấn mạnh ở những ý thơ chính của văn bản: *Nơi này ai cũng quen/ Ngay từ thời tằm bé/ Nơi này đã đưa tôi/ Buổi đầu tiên đến lớp*). Chú ý việc ngắt nghỉ ở cuối dòng thơ, hết khổ thơ.

– HS nghe GV hướng dẫn đọc một số từ khó đọc như: *quen, dắt vòng, xa tắp, ...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ hơi đúng logic ngữ nghĩa, như *Khi/ tay bà/ tay mẹ// Nơi/ bố mẹ ngày đêm// Nơi/ bạn bè chạy tới// Nay/ con đường xa tắp, ...*

– HS đọc thành tiếng bài thơ.

– HS giải thích nghĩa của từ khó hiểu: *thời tằm bé, đi men, ...*

– HS đọc lại bài thơ, tìm tiếng trong bài có chứa vần *ang*. HS đọc to tiếng/ từ chứa vần *ang*.

– HS tìm từ ngữ ngoài bài chứa tiếng có vần *an, ang* và đặt câu, VD: “Lan can nhà em rất rộng.”; “Cầu thang nhà em làm bằng gỗ.”;...

TIẾT 2

– HS thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

– HS học thuộc lòng hai khổ thơ yêu thích.

4. Luyện nói sáng tạo: Luyện tập sử dụng câu hỏi và câu trả lời

– HS trao đổi trong nhóm nhỏ yêu cầu của hoạt động.

– HS nhắc lại cách đặt và trả lời câu hỏi.

– HS thực hiện theo cặp/ nhóm nhỏ hoạt động nói theo yêu cầu (một HS đọc câu hỏi, một HS trả lời, sau đó đổi lại).

5. Hoạt động mở rộng

HS chơi trò chơi: *Thi kể tên các đồ dùng ở nhà em.*

(Luật chơi: GV chia lớp thành 2 – 4 nhóm tùy số, các nhóm thi đua kể tên các đồ dùng có trong nhà của mình trong một thời gian quy định. GV có thể cho HS kể tên hoặc viết vào bảng.)

6. Củng cố, dặn dò

– HS nhắc lại nội dung vừa được học (tên bài, các nhân vật trong bài, khổ thơ em thích, ...).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc thuộc lòng ở nhà và cách giữ gìn đồ đạc trong nhà gọn gàng, sạch sẽ.

– HS nghe GV hướng dẫn chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *Mũ bảo hiểm*).

BÀI 3: MŨ BẢO HIỂM (tiết 7 – 10, SHS, tr. 76 – 78)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Từ những kinh nghiệm xã hội của bản thân, nói về việc đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông.
2. Đọc trơn bài đọc, bước đầu ngắt nghỉ đúng chỗ có dấu câu.
3. Luyện tập khả năng nhận diện vần thông qua hoạt động tìm tiếng trong bài và từ ngữ ngoài bài chứa tiếng có vần cần luyện tập và đặt câu.
4. Nhận diện chi tiết trong bài đọc dựa vào các cụm từ đứng trước hoặc sau nó.
5. Tô đúng kiểu chữ hoa chữ *K* và viết câu ứng dụng. Thực hành kỹ năng nghe – viết đoạn văn.
6. Ôn luyện quy tắc chính tả *g-/gh-* và phân biệt đúng chính tả *uôn/ông*.
7. Luyện nói sáng tạo: luyện tập giới thiệu về đồ vật. Luyện viết sáng tạo từ nội dung vừa nói. Phát triển ý tưởng thông qua việc trao đổi với bạn.
8. Phát triển năng lực hợp tác qua hoạt động nhóm; phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo qua hoạt động thực hành.
9. Bồi dưỡng phẩm chất có trách nhiệm với bản thân và mọi người xung quanh khi tham gia giao thông.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SHS, VTV, VBT, SGV.
- Một số tranh ảnh, mô hình hoặc vật thật dùng minh họa tiếng có vần *ăn, ăng* kèm theo thẻ từ (nếu có).
- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, video, mũ bảo hiểm (nếu có).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ổn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS thực hiện một trò chơi hoặc một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Những người bạn im lặng* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể tổ chức hoặc không).
- HS thực hiện một vài nhiệm vụ nhằm ôn lại nội dung của bài học trước.

2. Khởi động

- HS hoạt động nhóm nhỏ, quan sát tranh minh họa phần khởi động và trả lời câu hỏi trong SHS. Gợi ý: GV hỏi HS lí do cần đội mũ bảo hiểm khi đi xe gắn máy. GV không đánh giá câu trả lời của HS, mà yêu cầu các em so sánh phán đoán của mình với nội dung bài sẽ đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới (GV có thể sử dụng tranh ảnh/ vật thật về một vài chiếc mũ bảo hiểm có hình dáng, màu sắc khác nhau cho HS quan sát. HS trao đổi với bạn xem một chiếc mũ bảo hiểm gồm có những bộ phận nào, và cách đội một chiếc mũ bảo hiểm. GV không đánh giá câu trả lời của HS mà yêu cầu HS xem xét, so sánh điều mình vừa trao đổi với bạn với nội dung bài đọc.).

3. Luyện đọc văn bản

- HS nghe GV đọc mẫu.
- HS nghe GV hướng dẫn đọc một số từ khó đọc như: *vỏ, quai, xóp, khoá cài, chặt...*
- HS đọc thành tiếng bài đọc.
- HS giải thích nghĩa của một số từ khó trong bài như *quai, xóp, miếng lót cằm, khoá cài.*

TIẾT 2

– HS đọc thầm lại bài đọc, tìm tiếng trong bài có chứa vần *ăn, ăng*. HS đọc to từ/ tiếng chứa vần *ăn, ăng*.

– HS tìm từ ngữ ngoài bài chứa tiếng có vần *ăn, ăng* và đặt câu, VD: “Em có một chiếc khăn rất mềm.”; “Em dùng găng tay khi rửa bát.”;...

– HS thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS. (Trường hợp HS chưa hiểu rõ câu hỏi, GV có thể đặt thêm một vài câu hỏi nhỏ hơn. VD: “Đọc đoạn 1, tìm tên các bộ phận của một chiếc mũ bảo hiểm.”, “Đọc đoạn 3 để tìm từ nói về việc cài mũ bảo hiểm”,... Đối với HS khá giỏi, GV có thể tổ chức cho HS điền thông tin vào một bảng biểu có hai cột (cột 1: Bộ phận của mũ bảo hiểm; cột 2: Chất liệu.)

TIẾT 3

4. Luyện tập viết hoa, chính tả

4.1. Tô chữ viết hoa chữ K và viết câu ứng dụng

a. Tô chữ viết hoa chữ K

– HS quan sát cách GV tô và phân tích cấu tạo nét chữ của con chữ K (Gợi ý: Xem phần Hướng dẫn dạy tập viết).

– HS dùng ngón tay viết con chữ K hoa lên không khí hoặc mặt bàn.

– HS tô chữ K hoa vào VTV.

b. Viết câu ứng dụng của chữ K

– HS đọc câu ứng dụng. (GV nói qua về nghĩa của câu ứng dụng.)

– HS quan sát GV viết chữ Kê.

– HS quan sát cách GV viết phần còn lại.

– HS viết câu ứng dụng vào VTV.

– HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn (theo hướng dẫn của GV).

4.2. Chính tả nghe – viết

- HS đọc lại đoạn văn được yêu cầu viết chính tả.
- HS đánh vần một số tiếng/ từ khó đọc, dễ viết sai, VD: *cài khoá, chắc chắn, quai, sát, chật...*
- HS nghe và viết đoạn văn vào VTV.
- HS tự đánh giá bài viết của mình và của bạn (theo sự hướng dẫn của GV).

4.3. Bài tập chính tả lựa chọn

- HS đọc yêu cầu của bài tập chính tả có quy tắc. HS nhắc lại quy tắc chính tả g-/ gh-. Yêu cầu HS tìm thêm một số từ thể hiện quy tắc này.
- HS quan sát tranh gợi ý đính kèm từng bài tập.
- HS thực hiện bài tập, tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.
- HS đặt câu (nói miệng, không yêu cầu viết) với những từ vừa điền đúng.

Lưu ý: Nếu còn thời gian, HS có thể thực hiện bài tập chính tả phương ngữ còn lại hoặc chuyển sang tiết thực hành/ giờ học buổi chiều.

TIẾT 4

5. Luyện tập nói, viết sáng tạo

5.1. Nói sáng tạo: Luyện tập giới thiệu về đồ vật

- HS trao đổi trong nhóm nhỏ yêu cầu của hoạt động.
- HS quan sát tranh và các câu hỏi gợi ý để tìm hiểu về cách giới thiệu một đồ vật. GV có thể tổ chức bằng kỹ thuật hoạt động góc để những HS có cùng chung loại đồ vật được tặng có thể trao đổi thông tin cho nhau.
- HS thực hiện hoạt động nói theo yêu cầu.

5.2. Viết sáng tạo

- HS thực hiện yêu cầu viết sáng tạo vào vở.
- HS tự đánh giá, nhận xét về phần trình bày của mình theo hướng dẫn của GV.

6. Hoạt động mở rộng

HS hát bài *Em đội mũ bảo hiểm* của nhạc sĩ Nguyễn Bằng. (GV có thể yêu cầu HS nói thêm về lợi ích của việc đội mũ bảo hiểm.)

7. Củng cố, dặn dò

- HS nhắc lại nội dung vừa được học (tên bài, thông tin nào em thích nhất về chiếc mũ bảo hiểm,...).
- HS nghe GV hướng dẫn chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *Thực hành*).

BÀI THỰC HÀNH (tiết 11)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Đọc tron văn bản hướng dẫn về cách đội mũ bảo hiểm.
2. Nói về trình tự các bước đội một chiếc mũ bảo hiểm tương ứng với hình ảnh minh hoạ.
3. Mở rộng vốn từ về từ ngữ chỉ trình tự và thay từ ngữ đó cho các số tương ứng với các bước đội mũ bảo hiểm.
4. Phát triển năng lực quan sát, giải quyết vấn đề và sáng tạo qua việc thực hiện các bài tập.
5. Bồi dưỡng phẩm chất có trách nhiệm – biết cách bảo vệ sự an toàn cho bản thân và những người xung quanh khi tham gia giao thông trên đường thông qua hoạt động nghe nói, đọc hiểu, viết.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- VBT, SGK.
- Bảng phụ ghi các từ ngữ, câu cần thực hành (nếu có).
- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, video (nếu có).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Ôn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS thực hiện một trò chơi hoặc một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Những người bạn im lặng* (có thể tổ chức hoặc không).
- HS thực hiện một vài nhiệm vụ nhằm ôn lại nội dung bài học trước.

2. Luyện đọc và mở rộng vốn từ

- HS đọc tron bài đọc.
- HS quan sát tranh minh hoạ các bước đội mũ bảo hiểm và thảo luận với bạn về các bước đội mũ bảo hiểm tương ứng với tranh vẽ (4 bước).
- HS tìm hiểu về các từ ngữ chỉ trình tự *đầu tiên, tiếp theo, sau đó, cuối cùng*.
- HS thay các từ ngữ chỉ trình tự nêu trên cho các số tương ứng với các bước đội mũ bảo hiểm.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn (theo sự hướng dẫn của GV).
- HS thảo luận thêm về lí do cần đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông trên đường.

3. Củng cố, dặn dò

- HS nhắc lại nội dung vừa được học (nội dung mà em cảm thấy hứng thú).
- HS chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *Kể chuyện*).

BÀI 4: KỂ CHUYỆN *CHUYỆN GHẾ VÀ BÀN* (tiết 12, SHS, tr. 79)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Phán đoán nội dung câu chuyện dựa vào tên truyện *Chuyện ghế và bàn*, tên chủ đề *Những người bạn im lặng* và tranh minh hoạ.
2. Nhớ được các tình tiết, diễn biến theo trật tự xảy ra của câu chuyện.
3. Biết dựa vào tranh minh hoạ, các từ ngữ gợi ý để ghi nhớ nội dung của từng đoạn truyện.
4. Nhận diện lời của các nhân vật và lựa chọn giọng nói phù hợp với từng nhân vật.
5. Kể từng đoạn của câu chuyện, kể toàn bộ câu chuyện. Biết điều chỉnh âm lượng giọng kể của bản thân khi kể trong nhóm nhỏ và trước lớp.
6. Biết bày tỏ cảm xúc của bản thân với các nhân vật trong câu chuyện.
7. Bồi dưỡng phẩm chất có trách nhiệm – giữ gìn đồ dùng của mình sạch sẽ, gọn gàng.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SHS, SGK.
- Tranh minh hoạ truyện.

Nội dung truyện

Chuyện ghế và bàn

1. Trong phòng ngủ của Nam, bác ghế hỏi cô bàn:
 - Cô bàn ơi, có chuyện gì thế?Cô bàn đáp:
 - Ôi, tôi lại bị bôi bẩn rồi bác ghế ơi!
 - Tôi thì có hơn gì cô bàn đâu, bốn chân của tôi đã lung lay hết rồi. Cậu ấy cứ xô đẩy, nhảy lên nhảy xuống trên lưng tôi.
2. Cô bàn buồn buồn kể:
 - Mới hôm qua, cậu ấy còn bôi bẩn, vẽ đầy trên mặt bàn. Cậu ấy còn để li nước đá lên mà không có đĩa lót, làm mặt tôi bị ố hết rồi.
3. Nghe đến đây, Nam giật mình tỉnh giấc. Cậu nhìn lại bộ bàn ghế bố mới mua tháng trước: “Chao ôi, mới hôm nào chúng còn mới tinh, mà hôm nay trông chúng thật cũ kĩ, xấu xí làm sao!”.
4. Nam hối hận quá. Cậu đứng lên lấy khăn lau bàn, ghế và tự nhủ sẽ nhờ ba sửa lại chân ghế bị lung lay. Cậu hứa sẽ giữ gìn đồ dùng trong nhà thật cẩn thận, không nghịch phá nữa.

Theo *Những bài văn hay*

Câu hỏi:

1. Em thích nhân vật nào trong truyện? Vì sao?
2. Nếu em là Nam, em sẽ nói với bàn ghế điều gì?

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Ôn định lớp và kiểm tra bài cũ

– HS thực hiện một trò chơi hoặc một hoạt động giải trí khác liên quan đến chủ đề *Những người bạn im lặng* để tạo tâm thế cho giờ học (có thể tổ chức hoặc không).

– HS nhắc lại nội dung truyện kể tuần trước, VD: “Tên câu chuyện là gì?”, “Câu chuyện kể về ai?”, “Em có thấy quý cô giáo giống bạn Thịnh không?”,...

2. Luyện tập nghe và nói

– HS đọc tên truyện: *Chuyện ghé và bàn*.

– Dựa vào tranh minh họa, dựa vào tên truyện, HS phán đoán và trao đổi với bạn về nội dung câu chuyện. (Câu hỏi gợi ý: “Trong các bức tranh có những nhân vật nào?” “Ai là nhân vật chính?” (*bàn, ghé*) “Câu chuyện diễn ra ở đâu?” (*phòng ngủ của bạn Nam*), “Có những chuyện gì xảy ra với bàn và ghé?”, ...).

– HS nghe GV giới thiệu bài mới.

3. Luyện tập nghe kể chuyện và kể chuyện

– HS nhắc lại cách nhận diện lời của nhân vật và cách sử dụng giọng nói phù hợp với lời của từng nhân vật.

– HS nghe GV kể mẫu lần một toàn bộ câu chuyện và liên hệ nội dung câu chuyện với những phán đoán lúc trước của mình. GV dùng câu hỏi kích thích phỏng đoán (“Nam có nghe được câu chuyện của cô bàn và bác ghé không?”, “Em nghĩ Nam sẽ làm gì sau khi tỉnh giấc?”,...). GV chú ý dùng giọng điệu khác nhau cho từng lời nhân vật và hoàn cảnh.

– HS nghe kể lần hai theo từng đoạn và quan sát tranh minh họa theo đúng trật tự diễn biến của câu chuyện. GV yêu cầu HS dùng cụm từ gợi ý dưới tranh để ghi nhớ nội dung truyện.

– HS kể từng đoạn của câu chuyện với bạn trong nhóm nhỏ. GV nhắc HS nhớ việc sử dụng giọng nói phù hợp với lời của từng nhân vật.

– HS/ nhóm HS kể lại toàn bộ câu chuyện trước lớp.

– HS nhận xét, đánh giá về các nhân vật và nội dung câu chuyện (Gợi ý: GV tổ chức cho HS trả lời các câu hỏi: “Em thích nhân vật nào trong truyện? Vì sao?”, “Nếu là Nam, em sẽ nói gì với bàn và ghé?”).

4. Củng cố, dặn dò

– HS nhắc lại tên truyện, nhân vật/ chi tiết HS yêu thích nhất, lí do yêu thích.

– HS nghe GV hướng dẫn đọc mở rộng (tên sách, tên truyện, trang đọc mở rộng).

– HS nghe GV hướng dẫn chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *Mít học vẽ tranh*).